

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **7111/TH-TCHC**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

CBTT Nghị quyết điều chỉnh tiền lương, thù lao
kế hoạch của Thành viên hội đồng, Kiểm soát
viên và quỹ lương kế hoạch Ban điều hành,
người lao động năm 2025

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1 Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

- Trụ sở chính: 215 Trần Thủ Độ, Phường Phú Thạnh, TP.HCM

- Địa chỉ liên hệ: 95 Phạm Hữu Chí, Phường Chợ Lớn, TP.HCM

- Điện thoại: : (028) 3855 7977 Fax: (028) 3955 7977

2 Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Trọng Thuận** - **Giám đốc.**

- Địa chỉ: TK 19/25 Nguyễn Cảnh Chân, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh.

3 Loại thông tin công bố:

☒ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☒ Bất thường ☐ Định kỳ

4 **Nội dung thông tin công bố:** Công bố thông tin Nghị quyết Hội đồng quản trị về điều chỉnh tiền lương, thù lao kế hoạch của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên và quỹ lương kế hoạch Ban điều hành, người lao động năm 2025.

5 Địa chỉ đăng tải: thông tin này đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày 31/12/2025 tại đường dẫn: www.capnuoctanhhoa.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT.

Đính kèm:

- Nghị quyết số 23/NQ-TH-HĐQT ngày 31/12/2025

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

GIÁM ĐỐC



Lê Trọng Thuận

Số: 23/NQ-TH-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA**

**Về điều chỉnh tiền lương, thù lao kế hoạch của Thành viên hội đồng,
Kiểm soát viên và quỹ lương kế hoạch Ban điều hành, người lao động năm 2025**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3646/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2014 của UBND TP. Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cấp nước Tân Hòa thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa được ban hành kèm Quyết định số 009/QĐ-TH-HĐQT ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng quản trị;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa được ban hành kèm Quyết định số 010/QĐ-TH-HĐQT ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa được ban hành kèm Quyết định số 11/QĐ-TH-HĐQT ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-TH-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

Căn cứ Tờ trình số 6622/TTr-TH-TCHC ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về việc điều chỉnh tiền lương, thù lao kế hoạch của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên và quỹ lương kế hoạch Ban Điều hành, người lao động năm 2025;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết của Hội đồng quản trị ngày __/12/2025 về việc kiểm phiếu lấy ý kiến biểu quyết số 029/PYK-TH-HĐQT ngày 26/12/2025 của Hội đồng quản trị,

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA
QUYẾT NGHỊ**

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh điểm b và điểm d khoản 9 Điều 1 Nghị quyết số 01/NQ-TH-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đối với tiền lương, thù lao kế hoạch của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên và quỹ lương kế hoạch Ban Điều hành, người lao động năm 2025, như sau:

- Tiền lương kế hoạch của Chủ tịch Hội đồng quản trị (Thành viên hội đồng làm việc chuyên trách Công ty) năm 2025: 605.244.000 đồng/năm
- Tiền lương kế hoạch của Trưởng ban kiểm soát (Kiểm soát viên làm việc chuyên trách Công ty) năm 2025: 282.948.505 đồng/năm.



– Quỹ thù lao kế hoạch của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc không chuyên trách năm 2025: 360.000.000 đồng.

– Quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành và người lao động năm 2025: 73.567.348.680 đồng.

(Nội dung chi tiết được thể hiện tại Tờ trình số 6622/TTr-TH-TCHC ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Công ty)

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các số liệu trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 2. Giao Giám đốc Công ty thực hiện chi trả tiền lương, thù lao kế hoạch của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên và quỹ lương kế hoạch Ban Điều hành, người lao động năm 2025 theo quy định; báo cáo Hội đồng quản trị các vấn đề phát sinh (nếu có).

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các Phòng, Ban, Đội liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT Tổng Công ty "đề báo cáo"
- Lưu: TK.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Thị Ngọc Luyện



Số: **6622** /TTr-TH-TCHC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v: Điều chỉnh tiền lương, thù lao kế hoạch của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên và quỹ lương kế hoạch Ban điều hành, người lao động năm 2025

- Kính gửi: - Người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.
- Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa.
 - Kiểm soát viên được Tổng Công ty cử tại Công ty CP CN Tân Hòa.

Căn cứ Nghị định 44/2025/NĐ-CP, ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ về việc quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Thông tư 003/2025/TT-BNV, ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Công văn số 5429/TCT-TCNS ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV về việc xây dựng quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025;

Căn cứ Tờ trình số 4922/TTr-TH-TCHC ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về việc xin ý kiến tiền lương, thù lao kế hoạch của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên và quỹ lương kế hoạch Ban điều hành, người lao động năm 2025;

Căn cứ Công văn số 018/TH-NĐDV ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa về việc xin ý kiến tiền lương, thù lao kế hoạch của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên và quỹ lương kế hoạch Ban điều hành, người lao động năm 2025;

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2025.

Ngày 24/09/2025, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa đã có Tờ trình số 4922/TTr-TH-TCHC về việc xin ý kiến tiền lương, thù lao kế hoạch của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên và quỹ lương kế hoạch Ban điều hành, người lao động năm 2025 trình Người đại diện vốn, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát xem xét và có ý kiến. Trên cơ sở đó, Người đại diện vốn đã có văn bản số 018/TH-NĐDV ngày 10/10/2025 về việc xin ý kiến tiền lương, thù lao kế hoạch của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên và quỹ lương kế hoạch Ban điều hành, người lao động năm 2025.

Thực hiện ý kiến thẩm định của Tổ Công tác 37 về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng tại các Công ty Cổ phần vốn góp chi phối của Tổng Công ty, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa báo cáo phương án xác định tiền lương, thù lao kế hoạch của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên Công ty và quỹ tiền lương kế hoạch Ban điều hành, người lao động năm 2025, như sau:



Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Nội dung đã trình tại Tờ trình số 4922/TTr-TH-TCHC ngày 24/09/2025	Nội dung điều chỉnh
1	Chi phí không lương	Đồng	104.207.142.437	104.254.729.252
2	Tiền lương bình quân BDH và NLĐ	Đồng	19.776.216	19.776.169
3	Quỹ lương kế hoạch BDH và NLĐ	Đồng	73.567.523.520	73.567.348.680
4	Tiền lương kế hoạch/tháng của Chủ tịch Hội đồng quản trị	Đồng	55.583.000	50.437.000
5	Tiền lương kế hoạch năm của Chủ tịch Hội đồng quản trị	Đồng	666.996.000	605.244.000
6	Tiền lương kế hoạch/tháng của Trưởng ban Kiểm soát	Đồng	38.376.000	40.421.215
7	Tiền lương kế hoạch năm của Trưởng ban Kiểm soát	Đồng	268.632.000	282.948.505

Các nội dung khác giữ nguyên không thay đổi

Với các nội dung điều chỉnh như trên, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa kính trình Hội đồng quản trị, Người đại diện vốn và Kiểm soát viên được Tổng Công ty Tại Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa có ý kiến về phương án điều chỉnh xác định quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành, người lao động và tiền lương, thù lao kế hoạch của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên Công ty năm 2025, như sau:

- Tổng doanh thu kế hoạch : 192.780.270.437 đồng
- Tổng chi phí kế hoạch : 179.070.270.437 đồng
- Tổng chi phí (chưa có lương) : 104.254.729.252 đồng
- Tổng lợi nhuận kế hoạch : 13.710.000.000 đồng

1. Tiền lương kế hoạch của Chủ tịch Hội đồng quản trị (Thành viên hội đồng làm việc chuyên trách Công ty) năm 2025:

- + Số người làm việc chuyên trách bình quân = 01 người
- + Mức lương cơ bản kế hoạch năm 2025 = 31.000.000 đồng/người/tháng
- + Tiền lương kế hoạch/tháng = 50.437.000 đồng/người/tháng
- + Tiền lương kế hoạch năm 2025 = 605.244.000 đồng/năm

2. Tiền lương kế hoạch của Trưởng ban kiểm soát (Kiểm soát viên làm việc chuyên trách Công ty) năm 2025:

- + Số người làm việc chuyên trách bình quân ≈ 0,583 người
- + Mức lương cơ bản kế hoạch năm 2025 = 26.000.000 đồng/ người/ tháng

- + Tiền lương kế hoạch/tháng = 40.421.215 đồng/ người/ tháng
- + Tiền lương kế hoạch năm 2025 = 282.948.505 đồng/năm.

3. Quỹ thù lao kế hoạch của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc không chuyên trách năm 2025:

- + Số lượng người Thành viên hội đồng, kiểm soát viên làm việc không chuyên trách: 06 người;
- + Mức thù lao bình quân là: 5.000.000 đồng/người/tháng;
- + Quỹ thù lao : $06 \times 5.000.000 \times 12 = 360.000.000$ đồng

Vậy: Quỹ thù lao kế hoạch Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc không chuyên trách năm 2025 là: 360 triệu đồng (làm tròn)

4. Quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành và người lao động năm 2025:

- + Số lao động kế hoạch bình quân năm 2025 : 310 người
- + Tiền lương bình quân kế hoạch năm 2025 : 19.776.169 đồng/người/tháng.
- + Quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành và người lao động năm 2025: 73.567.348.680 đồng

➤ Như vậy Quỹ tiền lương kế hoạch Ban điều hành và người lao động năm 2025: **73.567 triệu đồng** (làm tròn).

Từ số liệu nêu trên, Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa kính trình Hội đồng quản trị, Người đại diện vốn thông qua quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành, người lao động và tiền lương, thù lao kế hoạch của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên Công ty năm 2025.

Trân trọng./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu

Đính kèm:

- Các hồ sơ liên quan



Giám đốc

Lê Trọng Thuận



TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Biểu số 2-KH2025

BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025
CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

(đối với doanh nghiệp xác định quỹ lương thông qua mức tiền lương bình quân)

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Báo cáo năm 2024		Kế hoạch năm 2025	So sánh	
			Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024		TH2024/ KH2024	KH2025/ TH2024
1	2	3	4	5	6	7=5/4	8=6/5
I	CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH:						
1	Tổng sản phẩm (kể cả quy đổi)						
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	173.029	184.805	192.780	106,81%	104,32%
3	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng	92.199	97.033	104.255	105,24%	107,44%
4	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	Tr.đồng	11.813	12.994	13.710	110,00%	105,51%
5	Lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, các thành viên góp vốn	Tr.đồng	5.853	6.546	7.175	111,84%	109,61%
6	Năng suất lao động (1) = (Tổng doanh thu - Tổng chi phí chưa có lương) / Số lao động bình quân	Tr.đồng	278,69	284,05	285,57	101,92%	100,53%
II	Tiền lương của người lao động và Ban điều hành (không bao gồm lao động công nghệ cao)						
1	Số lao động bình quân, trong đó	Người	309	309	310	100,00%	100,32%
-	Số thành viên Ban điều hành (theo chế độ bổ nhiệm) bình quân	Người	4	4	4	100,00%	100,00%
-	Số lao động bình quân (bao gồm cả thành viên Ban điều hành được thuê làm việc theo Hợp đồng lao động)	Người	305	305	306	100,00%	100,33%
2	Tiền lương bình quân của người lao động và Ban điều hành, trong đó	1.000đ/tháng	18.263	19.776	19.776	108,29%	100,00%
a)	Người lao động (bao gồm cả thành viên Ban điều hành được thuê làm việc theo hợp đồng lao động)	1.000đ/tháng	18.051	19.495	19.495	108,00%	100,004%
b)	Ban điều hành (theo chế độ bổ nhiệm), trong đó:	1.000đ/tháng	34.428	41.251	41.251	119,82%	100,00%
-	Tổng giám đốc, Giám đốc	1.000đ/tháng	41.769	50.047	45.778	119,82%	91,47%
-	Các Phó tổng giám đốc, Phó Giám đốc	1.000đ/tháng	32.897	39.417	40.421	119,82%	102,55%

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Báo cáo năm 2024		Kế hoạch năm 2025	So sánh	
			Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024		TH2024/ KH2024	KH2025/ TH2024
1	2	3	4	5	6	7=5/4	8=6/5
-	Kế toán trưởng	1.000đ/ tháng	30.148	36.122	38.383	119,82%	106,26%
3	Quỹ tiền lương người lao động và Ban điều hành, trong đó	Tr.đồng	67.718	73.330	73.567	108,29%	100,32%
-	Phần chênh lệch tiền lương của cán bộ chuyên trách đoàn thể	Tr.đồng					
-	Phần tiền lương thực hiện tăng thêm khi lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch (nếu có)	Tr.đồng					
-	Phần quỹ tiền lương theo sản phẩm, dịch vụ công (đối với doanh nghiệp vừa thực hiện sản phẩm, dịch vụ công, vừa thực hiện hoạt động SXKD)	Tr.đồng					
-	Phần tiền lương phải trả thêm khi làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ (nếu có) theo khoản 2 Điều 15 Nghị định 44/2025/NĐ-CP	Tr.đồng					
III	Tiền lương của lao động công nghệ cao						
1	Số lao động công nghệ cao bình quân	Người					
2	Phần tiền lương của lao động công nghệ cao	Tr.đồng					
3	Tiền lương bình quân	1.000đ/ tháng					
4	Phần tiền lương phải trả thêm khi làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ (nếu có) theo khoản 2 Điều 15 Nghị định 44/2025/NĐ-CP	Tr.đồng					
IV	Tiền thưởng						
1	Quỹ tiền lương, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động (bao gồm cả thành viên Ban điều hành được thuê làm việc theo hợp đồng lao động)	Tr.đồng	4.594,68	4.594,68	5.764,52	100,00%	125,46%
2	Tiền thưởng bình quân của người lao động và Ban điều hành (không bao gồm lao động công nghệ cao), trong đó:	1.000đ/ thg	628	14.456	785	2303,05%	5,43%
-	Người lao động (bao gồm cả thành viên Ban điều hành được thuê làm việc theo hợp đồng lao động)	1.000đ/ tháng	628	628	785	100,00%	125,05%
-	Tổng giám đốc, Giám đốc	1.000đ/ tháng		5.028			
-	Các Phó tổng giám đốc, Phó Giám đốc	1.000đ/ tháng		6.034			

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Báo cáo năm 2024		Kế hoạch năm 2025	So sánh	
			Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024		TH2024/ KH2024	KH2025/ TH2024
1	2	3	4	5	6	7=5/4	8=6/5
-	Kế toán trưởng	1.000đ/ tháng		2.766			
3	Tiền thưởng bình quân của lao động công nghệ cao	1.000đ/ tháng					

Ghi chú: (1) Ghi chú cụ thể tên chỉ tiêu tính năng suất lao động doanh nghiệp lựa chọn, đối với doanh nghiệp sử dụng chỉ tiêu khác phản ánh hao phí lao động thì phải có thuyết minh cụ thể.
(2) Ghi đơn vị tính tương ứng với chỉ tiêu tính năng suất lao động tại điểm (2) theo năm.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2025

Người lập biểu

Dương Thị Hồng Hạnh

GIÁM ĐỐC



Lê Trọng Thuần



TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Biểu số 3-KH2025

BÁO CÁO XÁC ĐỊNH MỨC TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO THỰC HIỆN NĂM 2024
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG, KIỂM SOÁT VIÊN

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Báo cáo năm 2024		Kế hoạch năm 2025	So sánh	
			Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024		TH2024/ KH2024	KH2025/ TH2024
1	2	3	4	5	6	7=5/4	8=6/5
I	Chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh:						
1	Vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp hoặc vốn góp của chủ sở hữu tại doanh nghiệp (1): Vốn chủ sở hữu doanh nghiệp	Tr.đồng	52.059	52.059	52.456	100,00%	100,76%
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	173.029	184.805	192.780	106,81%	104,32%
3	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng	92.199	97.033	104.255	105,24%	107,44%
4	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	Tr.đồng	11.813	12.994	13.710	110,00%	105,51%
5	Lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, các thành viên góp vốn	Tr.đồng	5.853	6.546	7.175	111,84%	109,61%
6	Tỷ suất lợi nhuận (2) = Lợi nhuận trước thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân	%	22,69%	24,96%	26,14%	110,00%	104,73%
II	Mức tiền lương của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách						
1	Số Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên	Người	2	1,917	1,583	95,85%	82,58%
2	Nhóm (3): II "Đô thị, cấp, thoát nước", Mức (4): 4						
3	Mức lương cơ bản, trong đó:						

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Báo cáo năm 2024		Kế hoạch năm 2025	So sánh	
			Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024		TH2024/ KH2024	KH2025/ TH2024
1	2	3	4	5	6	7=5/4	8=6/5
-	Chủ tịch Hội đồng thành viên (hoặc Chủ tịch Công ty)/ Chủ tịch Hội đồng quản trị	Tr.đồng / tháng			31		
-	Thành viên hội đồng	Tr.đồng / tháng			25		
-	Trưởng ban kiểm soát	Tr.đồng / tháng			26		
-	Kiểm soát viên	Tr.đồng / tháng			25		
4	Mức tiền lương được hưởng, trong đó						
-	Chủ tịch Hội đồng thành viên (hoặc Chủ tịch Công ty)/ Chủ tịch Hội đồng quản trị	Tr.đồng / tháng	46,26	55,43	50,44	119,82%	91,00%
-	Thành viên hội đồng	Tr.đồng / tháng					
-	Trưởng ban kiểm soát	Tr.đồng / tháng	32,03	38,38	40,42	119,84%	105,33%
-	Kiểm soát viên	Tr.đồng / tháng					
III Thù lao của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc không chuyên trách							
1	Số Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên	Người	6	6	6	100,00%	100,00%
2	Mức thù lao của Thành viên hội đồng	Tr.đồng / tháng	5,5	5,5	5,5	100,00%	100,00%
3	Mức thù lao của Kiểm soát viên	Tr.đồng / tháng	4	4	4	100,00%	100,00%
IV Tiền thưởng							
1	Quỹ tiền thưởng của người quản lý, Kiểm soát viên	Tr.đồng		383,42			
2	Tiền thưởng bình quân của người quản lý, Kiểm soát viên, trong đó:	Tr.đồng / tháng		18,35			
-	Chủ tịch Hội đồng thành viên (hoặc Chủ tịch Công ty)/ Chủ tịch Hội đồng quản trị	Tr.đồng / tháng		5,03			
-	Các Thành viên hội đồng	Tr.đồng / tháng		9,05			
-	Trưởng ban kiểm soát	Tr.đồng / tháng		2,77			

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Báo cáo năm 2024		Kế hoạch năm 2025	So sánh	
			Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024		TH2024/ KH2024	KH2025/ TH2024
1	2	3	4	5	6	7=5/4	8=6/5
-	Các Kiểm soát viên	Tr.đồng / tháng		1,51			

Ghi chú: (1) Doanh nghiệp lựa chọn chỉ tiêu vốn nào (vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp hoặc vốn góp của chủ sở hữu tại doanh nghiệp) để tính tỷ suất lợi nhuận thì ghi chỉ tiêu vốn đó

(2) Xác định theo chỉ tiêu vốn doanh nghiệp lựa chọn tại (1)

(3) Doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng nhóm I thì ghi nhóm I, thuộc đối tượng áp dụng nhóm II thì ghi nhóm II

(4) Doanh nghiệp ghi cụ thể Mức (Mức 1 hoặc Mức 2 hoặc Mức 3 hoặc Mức 4) tương ứng với nhóm ngành, lĩnh vực hoạt động mà doanh nghiệp đủ điều kiện áp dụng

Người lập biểu

Dương Thị Hồng Hạnh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2025



GIÁM ĐỐC

Lê Trọng Thuận

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TÂN HÒA

Biểu số 4-KH2025

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG, KIỂM SOÁT VIÊN THỰC HIỆN NĂM 2024, KẾ HOẠCH NĂM 2025

DVT: đồng

Stt	Họ và tên	Chức vụ (ghi rõ chức vụ)		Thực hiện năm 2024				Kế hoạch năm 2025				Ghi chú
		Chuyên trách	Không chuyên trách	Mức lương cơ bản	Số tháng hưởng	Tiền lương (tháng)	Tiền lương (năm)	Mức lương cơ bản	Số tháng hưởng	Tiền lương (tháng)	Tiền lương (năm)	
I. Ban Điều hành												
1	Lê Trọng Thuận	Giám đốc						45.777.653	8,227	45.777.653	376.612.753	
2	Nguyễn Mười	N. Giám đốc		50.046.952	12	50.046.952	600.563.424	45.777.653	3,773	45.777.653	172.719.086	
3	Lê Trung Thành	PGĐ.KD		40.455.978	12	40.455.978	485.471.737	40.421.215	12	40.421.215	485.054.578	
4	Nguyễn Trần Lam	PGĐ.KT		38.377.481	12	38.377.481	460.529.770	40.421.215	12	40.421.215	485.054.578	
5	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	KTT		36.122.379	12	36.122.379	433.468.553	38.382.707	12	38.382.707	460.592.489	
Tổng cộng				165.002.790	48	165.002.790	1.980.033.484	210.780.444	48	210.780.444	1.980.033.484	
II. Thành viên Hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách												
1	Trần Thị Ngọc Luyến	Chủ tịch		55.426.592	12	55.426.592	665.119.102	50.437.000	12	50.437.000	605.244.000	
2	Hoàng Thị Xuân Trang	TBKS		38.383.656	11	38.383.656	422.220.214	40.421.215	7	40.421.215	282.948.505	
Tổng cộng				93.810.248	23	93.810.248	1.087.339.316	90.858.215	19	90.858.215	888.192.505	
III. Thủ lao của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc không chuyên trách												
1	Lê Trọng Thuận		TV Hội đồng					5.500.000	8,227	5.500.000	45.248.500	
2	Nguyễn Mười		N. TV Hội đồng	5.500.000	12	5.500.000	66.000.000	5.500.000	3,773	5.500.000	20.751.500	
3	Trần Sĩ Nam		TV Hội đồng					5.500.000	8,227	5.500.000	45.248.500	
4	Lê Minh Châu		N. TV Hội đồng	5.500.000	12	5.500.000	66.000.000	5.500.000	3,773	5.500.000	20.751.500	
5	Trần Thị Thanh Tâm		TV Hội đồng					5.500.000	8,227	5.500.000	45.248.500	
6	Nguyễn Thanh Sử		N. TV Hội đồng	5.500.000	12	5.500.000	66.000.000	5.500.000	3,773	5.500.000	20.751.500	
7	Võ Nhật Trần		TV Hội đồng					5.500.000	8,227	5.500.000	45.248.500	
8	Nguyễn Thị Kiều Nguyệt		N. TV Hội đồng	5.500.000	12	5.500.000	66.000.000	5.500.000	3,773	5.500.000	20.751.500	
9	Nguyễn Phương Anh		KSV					4.000.000	8,227	4.000.000	32.908.000	
10	Trần Thị Thanh Tâm		N. KSV	4.000.000	12	4.000.000	48.000.000	4.000.000	3,773	4.000.000	15.092.000	
11	Lê Hà		KSV					4.000.000	8,227	4.000.000	32.908.000	
12	Trần Thị Châu Giang		N. KSV	4.000.000	12	4.000.000	48.000.000	4.000.000	3,773	4.000.000	15.092.000	
Tổng cộng				217.620.495	118	217.620.495	2.534.678.632	241.716.430	110	241.716.430	2.136.385.010	

Người lập biểu

Dương Thị Hồng Hạnh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2025



Lê Trọng Thuận

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH

Về việc xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025 của Ban điều hành và
người lao động Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa

Căn cứ Nghị định 44/2025/NĐ-CP, ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ về việc
quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Thông tư 003/2025/TT-BNV, ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Bộ Nội vụ về việc
hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà
nước;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh và kết quả tài chính năm 2025,

➤ Công ty thuyết minh xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động năm 2025.

1- Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2024, năm 2025 của Công ty để tính quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025:

1.1 Năm 2024:

- Tổng doanh thu thực hiện	:	184.805.203.907	đồng
- Tổng Chi phí thực hiện	:	171.810.903.907	đồng
- Tổng chi phí (chưa có lương)	:	97.033.531.107	đồng
- Tổng lợi nhuận thực hiện	:	12.994.300.000	đồng

1.2 Năm 2025:

- Tổng doanh thu kế hoạch	:	192.780.270.437	đồng
- Tổng chi phí kế hoạch	:	179.070.270.437	đồng
- Tổng chi phí (chưa có lương)	:	104.254.729.252	đồng
- Tổng lợi nhuận kế hoạch	:	13.710.000.000	đồng

2- Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025:

2.1- Xác định lao động thực tế sử dụng bình quân năm 2024 và năm 2025:

a) Lao động thực tế sử dụng bình quân thực hiện năm 2024:

Lao động thực tế sử dụng bình quân năm được tính theo công thức:



$$L_{\text{ttsd}} = \frac{\sum_{i=1}^t l_i}{t}$$

Trong đó:

+ L_{ttsd} : Số lao động thực tế bình quân năm

+ l_i : Số lao động thực tế sử dụng bình quân của tháng thứ i trong năm

+ i : Số nguyên dương dùng để tính tháng thứ i trong năm từ tháng 1 đến tháng 12

+ $\sum_{i=1}^t l_i$: Tổng của số lao động bình quân các tháng trong năm.

+ t : Số tháng trong năm.

$$308 + 308 + 308 + 309 + 310 + 310 + 309 + 308 + 308 + 309 + 311 + 313$$

$$L_{\text{bqth2024}} = \frac{\quad}{12}$$

➤ $L_{\text{bqth2024}} = 309$ lao động

b) Lao động thực tế sử dụng bình quân kế hoạch năm 2025:

➤ $L_{\text{bqkh2025}} = 310$ lao động

2.2-Xác định năng suất lao động bình quân kế hoạch năm 2025

$$W_{\text{kh2025}} = \frac{(\Sigma T_{\text{kh}} - \Sigma C_{\text{kh}}) \text{ hoặc } T_{\text{spkh}}}{L_{\text{bqkh}}}$$

Trong đó:

W_{kh} : Năng suất lao động bình quân kế hoạch.

ΣT_{kh} : Tổng doanh thu kế hoạch.

ΣC_{kh} : Tổng chi phí (chưa có tiền lương) kế hoạch.

T_{spkh} : Tổng sản phẩm (kể cả sản phẩm quy đổi) tiêu thụ kế hoạch.

L_{bqkh} : Số lao động bình quân kế hoạch

$$192.780.270.437 - 104.254.729.252$$

$$W_{\text{kh2025}} = \frac{\quad}{310} = 285.566.262 \text{ đồng/người/năm}$$

$$W_{\text{kh2025}} = 285.566.262 \text{ đồng/người/năm.}$$

2.3-Xác định năng suất lao động bình quân thực hiện năm 2024.

$$W_{th2024} = \frac{(\Sigma T_{th} - \Sigma C_{th}) \text{ hoặc } T_{spth}}{L_{bqth}}$$

Trong đó:

W_{th} : Năng suất lao động bình quân thực hiện trong năm (hoặc thực hiện của năm trước liền kề).

ΣT_{th} : Tổng doanh thu thực hiện trong năm (hoặc thực hiện của năm trước liền kề).

ΣC_{th} : Tổng chi phí chưa có tiền lương thực hiện trong năm (hoặc thực hiện của năm trước liền kề).

T_{spth} : Tổng sản phẩm (kể cả sản phẩm quy đổi) tiêu thụ thực hiện trong năm (hoặc thực hiện của năm trước liền kề).

L_{bqth} : Số lao động bình quân thực tế sử dụng trong năm (hoặc thực tế sử dụng của năm trước liền kề).

$$W_{th2024} = \frac{184.805.203.907 - 97.033.531.107}{309} = 284.050.721 \text{ đồng/người/năm}$$
$$W_{th2024} = 284.050.721 \text{ đồng/người/năm.}$$



2.4 - Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025:

Công ty có năng suất lao động bình quân kế hoạch năm 2025 tăng so với năng suất lao động bình quân thực hiện năm 2024 thì mức tiền lương bình quân kế hoạch năm 2025 được xác định so với mức tiền lương bình quân kế hoạch gắn với lợi nhuận thực hiện như sau:

Lợi nhuận kế hoạch năm 2025 tăng so với lợi nhuận thực hiện năm 2024 thì mức tiền lương bình quân kế hoạch tăng không vượt quá mức tăng năng suất lao động bình quân.

Tỉ lệ tăng năng suất lao động bình quân được xác định bằng năng suất lao động bình quân kế hoạch năm 2025 so với năng suất lao động bình quân thực hiện năm 2024.

$$I_w = \frac{W_{kh2025}}{W_{th2024}} = \frac{285.566.262}{284.050.721} = 1,00534$$

Để đảm bảo lợi nhuận kế hoạch năm 2025 tăng so với lợi nhuận thực hiện năm 2024 thì mức tiền lương bình quân thực hiện tăng không vượt quá mức tăng năng suất lao động bình quân. Công ty lựa chọn $I_w = 1,00$

Tiền lương bình quân thực hiện năm 2024:

Riêng mức tiền lương bình quân thực hiện năm 2024, xác định bằng quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 của người lao động, tiền lương của Ban điều hành từ quỹ tiền lương của người quản lý năm 2024 chia cho số lao động (bao gồm cả Ban điều hành) bình quân thực tế sử dụng trong năm 2024 và chia số tháng thực tế doanh nghiệp hoạt động trong năm

$$TL_{bqth2024} = \frac{71.350.000.000 + 1.980.033.484}{309} / 12 = \frac{73.330.033.484}{309} / 12$$

$$TL_{bqth2024} = 19.776.169 \text{ đồng/người/tháng.}$$

Tiền lương bình quân kế hoạch năm 2025:

Như vậy tiền lương bình quân kế hoạch năm 2025 được xác định như sau:

$$TL_{bqkh2025} = TL_{bqth2024} + TL_{bqth2024} \times \left(\frac{W_{kh2025}}{W_{th2024}} - 1 \right) \times H_{tln}$$

$$TL_{bqkh2025} = 19.776.169 + 19.776.169 \times (1 - 1) \times 1$$

$$TL_{bqkh2025} = 19.776.169 \text{ đồng/người/tháng.}$$

Quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành và người lao động năm 2025:

* Quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành và người lao động năm 2025 được xác định như sau:

$$Q_{kh2025} = TL_{bqkh2025} \times L_{khbq} \times t \times V_{dt}$$

$$Q_{kh2025} = 19.776.169 \times 310 \times 12$$

$$Q_{kh2025} = 73.567.348.680 \text{ đồng.}$$

❖ Như vậy quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành và người lao động năm 2025 là **73.567 triệu đồng (làm tròn)**

GIÁM ĐỐC 




Lê Trọng Thuận

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH

Mức tiền lương kế hoạch của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách và Quỹ thù lao của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc không chuyên trách năm 2025

Căn cứ Nghị định 44/2025/NĐ-CP, ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ về việc quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Thông tư 003/2025/TT-BNV, ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2025.

Công ty giải trình xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý công ty năm 2025 như sau.

1- Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2024, năm 2025 của Công ty để tính quỹ tiền lương kế hoạch năm 2025:

1.1 Năm 2024:

- Tổng doanh thu thực hiện	:	184.805.203.907	đồng
- Tổng Chi phí thực hiện	:	171.810.903.907	đồng
- Tổng chi phí (chưa có lương)	:	97.033.531.107	đồng
- Tổng lợi nhuận thực hiện	:	12.994.300.000	đồng

1.2 Năm 2025:

- Tổng doanh thu kế hoạch	:	192.780.270.437	đồng
- Tổng chi phí kế hoạch	:	179.070.270.437	đồng
- Tổng chi phí (chưa có lương)	:	104.254.729.252	đồng
- Tổng lợi nhuận kế hoạch	:	13.710.000.000	đồng

2- Mức tiền lương kế hoạch của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách năm 2025:



2.1- Xác định lao động, thời gian làm việc của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách năm 2025:

Số lượng Thành viên hội đồng làm việc chuyên trách

$$L_{bqkhCT2025} = \frac{1 + 1 + 1 + 1 + 1 + 1 + 1 + 1 + 1 + 1 + 1 + 1 + 1}{12}$$

$$\Rightarrow L_{khCT2025} = 1 \text{ người}$$

Số lượng Kiểm soát viên làm việc chuyên trách

$$L_{bqkhTBKS2025} = \frac{0 + 0 + 0 + 0 + 0 + 0 + 1 + 1 + 1 + 1 + 1 + 1 + 1}{12}$$

$$\Rightarrow L_{bqkhTBKS2025} = 0,5833333333333333 \text{ người}$$

2.2- Mức tiền lương cơ bản kế hoạch năm 2025:

Doanh nghiệp đạt đủ 03 chỉ tiêu vốn, doanh thu, lợi nhuận (sau khi loại trừ tác động của yếu tố khách quan theo quy định) của mức 1, mức 2, mức 3 thì áp dụng mức lương cơ bản tương ứng của mức đó. Đối với doanh nghiệp không đạt đủ 03 chỉ tiêu vốn, doanh thu, lợi nhuận của mức 1, mức 2, mức 3 thì áp dụng mức lương cơ bản theo mức 4.

Theo những đối tượng và điều kiện tại Phụ lục Nghị định 44/2025/NĐ-CP thì Công ty thuộc mức lương cơ bản áp dụng tại mức 4, nhóm II.

Mức lương cơ bản của Chủ tịch Hội đồng quản trị = 31.000.000 đồng/người/tháng

Mức lương cơ bản của Trưởng ban kiểm soát = 26.000.000 đồng/người/tháng

2.3- Tiền lương bình quân kế hoạch của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách năm 2025:

- Tiền lương kế hoạch của Chủ tịch Hội đồng quản trị (Thành viên hội đồng làm việc chuyên trách) được xác định theo công thức:

+ Mức tiền lương kế hoạch/ tháng:

$$\begin{aligned} MTL_{khCT2025/tháng} &= MLCB_{khCT2025} \times 1,627 \\ &= 31.000.000 \times 1,627 \\ &= 50.437.000 \text{ đồng/người/tháng} \end{aligned}$$

+ Mức tiền lương kế hoạch/ năm:

$$\begin{aligned} MTL_{khCT2025/năm} &= L_{khCT} \times MLCB_{khCT2025/tháng} \times 12 \\ &= 1 \times 50.437.000 \times 12 \\ &= 605.244.000 \text{ đồng/năm} \end{aligned}$$

- Tiền lương kế hoạch của Trưởng ban kiểm soát (Kiểm soát viên làm việc chuyên trách) được xác định theo công thức:

+ Mức tiền lương kế hoạch/ tháng:

$$\begin{aligned} MTL_{khTBKS2025/tháng} &= MLCB_{khTBKS2025} \times 1,555 \\ &= 26.000.000 \times 1,555 \\ &= 40.421.215 \text{ đồng/người/tháng} \end{aligned}$$

+ Mức tiền lương kế hoạch/ năm:

$$\begin{aligned} MTL_{khTBKS2025/năm} &= L_{khTBKS} \times MLCB_{khTBKS2025/tháng} \times 12 \\ &\approx 0,583 \times 40.421.215 \times 12 \\ &= 282.948.505 \text{ đồng/năm} \end{aligned}$$

➤ Như vậy Tiền lương kế hoạch của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng ban kiểm soát của công ty năm 2025: **888.192.505 đồng**.

3- Quỹ thù lao kế hoạch của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc không chuyên trách năm 2025:

+ Số lượng người Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc không chuyên trách: 06 người;

+ Mức thù lao bình quân là: 5.000.000 đồng/người/tháng;

+ Quỹ thù lao : $06 \times 5.000.000 \times 12 = 360.000.000$ đồng.

Vậy: Quỹ thù lao kế hoạch Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên làm việc không chuyên trách năm 2025 là: 360 triệu đồng (làm tròn)



Giám đốc *Thy*

Lê Trọng Thuận
Lê Trọng Thuận

